

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2024/DS-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-DS ngày 17/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ trụ sở: B L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đức Nhật H1, ông Nguyễn Lâm Huy T, ông Nguyễn Văn T1; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Q (Giấy ủy quyền số 517/2023/UQ-NCB ngày 23/8/2023 của Giám đốc Trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Q và Giấy ủy quyền số 112/2022/UQ-CTHĐQT ngày 18/10/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Ông H1 có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Trần Quốc D, sinh năm: 1991; Địa chỉ cư trú: Tổ H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam K, huyện H, tỉnh Bình Định; Ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2023, bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Võ Đức Nhật H1** trình bày:

Vào ngày 22/10/2020, ông **Trần Quốc D** và **Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh Đ** – Phòng giao dịch **Nguyễn Hữu T2** có ký Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số: 054/20/HĐCV - 9357, cụ thể như sau: Số tiền vay: 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng); mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng mua bán xe ô tô; thời hạn vay vốn: 60 tháng.

Lãi suất trong hạn: Lãi suất kỳ đầu tiên, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 23/01/2021 là 13%/năm. Lãi suất kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng (+) biên 4.2%; lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm (365 ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi như sau:

+ Trả nợ gốc: Gốc trả thành nhiều lần theo kỳ, cụ thể: 01 tháng/kỳ, trong vòng 60 kỳ, trả nợ gốc kỳ đầu tiên sau 01 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên và phải trả nợ gốc kỳ đầu tiên vào ngày 25/11/2020 là 4.300.000 đồng, từ kỳ 2 đến kỳ 59 trả vào ngày 25 hàng tháng là 4.300.000đồng, kỳ 60 trả vào ngày 23/10/2025 là 6.300.000đồng.

+ Trả lãi: Kỳ hạn trả lãi vay 01 tháng, tính từ ngày trả lãi vay đầu tiên, ngày trả lãi vay đầu tiên là 25/11/2020, các ngày trả lãi vay tiếp theo ngày 25 hàng tháng.

Ngân hàng đã giải ngân vốn vay và ông **Trần Quốc D** đã nhận nợ toàn bộ số tiền trên. Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông **Trần Quốc D** đã ký Hợp đồng thế chấp ô tô số 053/20/HĐTC – 9357 ngày 22/10/2020, tài sản thế chấp là:

+ Xe ô tô tải thùng kín hiệu THACO, loại TOWNER 800, biển kiểm soát 43H-000.02, màu sơn: trắng, chỗ ngồi: 02, số khung: 8TDALT024992, số máy: QE06010783F5, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096453 do **công an thành phố Đ** cấp ngày 12/10/2020 cho ông **Trần Quốc D**.

+ Xe ô tô tải thùng kín hiệu THACO, loại TOWNER 800, biển kiểm soát 43H-001.76, màu sơn: trắng, chỗ ngồi: 02, số khung: 8TDALT024993, số máy: QE06010723F5, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096887 do **công an thành phố Đ** cấp ngày 12/10/2020 cho ông **Trần Quốc D**.

Tính đến ngày 24/4/2024, ông **D** đã trả cho **ngân hàng T3** số tiền là 129.232.579 đồng. Trong đó tiền gốc là 81.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn là 47.532.579 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông **Trần Quốc D** đã không thực hiện trả nợ theo cam kết, ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nhở nhưng ông **D** vẫn không trả. Nay ngân hàng yêu cầu ông **D** trả cho ngân hàng như sau:

- Trả tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/6/2024 là 243.994.455đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 178.300.000 đồng, lãi trong hạn là 37.837.065đồng, lãi quá hạn là 23.507.914đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 4.349.476đồng.

- Trả lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

- Trường hợp ông **D** không thực hiện thì yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp cho ngân hàng là 02 xe ô tô.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2024, bị đơn ông **Trần Quốc D** trình bày: Ngày 22/10/2020, ông và **Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh Đ** – Phòng giao dịch **Nguyễn Hữu T2** có ký Hợp đồng cho vay kiêm kế ước nhận nợ số: 054/20/HĐCV – 9357, số tiền vay 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*); mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng mua bán xe ô tô; thời hạn vay vốn: 60 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, lãi suất theo như ngân hàng trình bày. Để bảo đảm cho khoản vay trên ông đã thế chấp cho ngân hàng:

+ 01 xe ô tô tải thùng kín hiệu THACO, loại TOWNER 800, biển kiểm soát 43H-000.02, màu sơn: trắng, chỗ ngồi: 02, số khung: 8TDALT024992, số máy: QE06010783F5, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096453 do **công an thành phố Đ** cấp ngày 12/10/2020 tên **Trần Quốc D**.

+ Xe ô tô tải thùng kín hiệu THACO, loại TOWNER 800, biển kiểm soát 43H-001.76, màu sơn: trắng, chỗ ngồi: 02, số khung: 8TDALT024993, số máy: QE06010723F5, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096887 do **công an thành phố Đ** cấp ngày 12/10/2020 tên **Trần Quốc D**.

Hiện xe ô tô tải thùng kín hiệu THACO, loại TOWNER 800, biển kiểm soát 43H-000.02 ông để ở nhà tại địa chỉ: **Tổ H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**, còn xe ô tô tải thùng kín hiệu THACO, loại TOWNER 800, biển kiểm soát 43H-001.76 ông đã bán cho một người phụ nữ tên **D1** (chỉ biết tên **D1**, không rõ họ tên cụ thể và cư trú tại đâu) với giá 150.000.000đồng, chị **D1** mới giao được khoảng 20.000.000đồng – 40.000.000đồng, số tiền còn lại chị **D1** chịu trách nhiệm trả cho ngân hàng, khi nào chị **D1** trả xong thì lấy giấy đăng ký xe ra và hai bên ký hợp đồng mua bán xe sang tên cho chị **D1**. Tuy nhiên, chị **D1** không trả nợ cho ngân hàng nên hai bên chưa làm thủ tục sang tên, chủ sở hữu chiếc xe vẫn là của ông, xe này hiện do chị **D1** đang sử dụng.

Do ông bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2022 nên không trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng đúng hợp đồng. Hiện ông còn nợ ngân hàng tiền gốc là 178.300.000 đồng và tiền lãi. Nay ngân hàng kiện đòi tiền gốc và tiền lãi, do ông đang chấp hành án nên không có khả năng trả nợ. Sau khi bản án có hiệu lực thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ô tô.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi nghị án.

+ Đối với đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Q** đối với ông **Trần Quốc D**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn ông **Trần Quốc D** có địa chỉ cư trú tại **tổ H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Bị đơn ông **Trần Quốc D** hiện đang chấp hành án tại **Trại giam K, huyện H, tỉnh Bình Định**, ông **D** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Trần Quốc D**.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP Q** yêu cầu ông **Trần Quốc D** Trả tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/6/2024 là 243.994.455 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 178.300.000 đồng, lãi trong hạn là 37.837.065 đồng, lãi quá hạn là 23.507.914 đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 4.349.476 đồng; yêu cầu ông **D** tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ; trường hợp ông **D** không thực hiện thì yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp cho ngân hàng là 02 xe ô tô. Bị đơn ông **Trần Quốc D** thừa nhận số nợ gốc và lãi, hiện nay ông đang chấp hành án nên không có khả năng trả nợ, ông đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là 02 xe ô tô để trả nợ cho ngân hàng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền gốc và lãi thì thấy:

Ngày 22/10/2020, ông **Trần Quốc D** ký Hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng TMCP Q** thể hiện tại Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số: 054/20/HĐCV - 9357, cụ thể như sau: Số tiền vay: 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng); mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng mua bán xe ô tô; thời hạn vay vốn: 60 tháng; lãi suất trong hạn: Lãi suất kỳ đầu tiên: Lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 23/01/2021 là 13%/năm, lãi suất kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng (+) biên 4.2%; lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm (365 ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi: Gốc trả thành nhiều lần theo, kỳ, cụ thể: 01 tháng/kỳ, trong vòng 60 kỳ, trả nợ gốc kỳ đầu tiên sau 01 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên và phải trả nợ gốc kỳ đầu tiên vào ngày 25/11/2020 là 4.300.000 đồng, từ kỳ 2 đến kỳ 59 trả vào ngày 25 hàng tháng là 4.300.000 đồng, kỳ 60 trả vào ngày 23/10/2025 là 6.300.000 đồng; trả lãi: Kỳ hạn trả lãi vay 01 tháng, tính từ ngày trả lãi vay đầu tiên, ngày trả lãi vay đầu tiên là 25/11/2020, các ngày trả lãi vay tiếp theo ngày 25 hàng tháng.

Xét thấy: Các bên ký kết Hợp đồng tín dụng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng đã giao kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông **D** số tiền là 260.000.000 đồng được thể hiện tại khế ước nhận nợ số 054/20/HĐCV - 9357 ngày 22/10/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông **D** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi được quy định tại khoản 1

Điều 11 của Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số: 054/20/HĐCV – 9357 nên tháng 10 năm 2023 Ngân hàng TMCP Q khởi kiện tại Tòa án. Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng yêu cầu ông D thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến tính đến ngày 28/6/2024 là 243.994.455 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 178.300.000 đồng, lãi trong hạn là 37.837.065 đồng, lãi quá hạn là 23.507.914 đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 4.349.476 đồng. Bị đơn ông D thừa nhận nợ gốc và lãi nhưng hiện tại ông không có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Do vậy, việc Ngân hàng yêu cầu ông D phải trả số tiền gốc và lãi như trên cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với khoản 1, 2 Điều 7; khoản 3,4 Điều 10; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; các điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Ông D còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số: 054/20/HĐCV - 9357 ngày 22/10/2020 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q và ông D kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông D không thanh toán thì thấy: Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông D đã thế chấp cho Ngân hàng A (một) xe ô tô tải thùng kín hiệu THACO, loại TOWNER 800, biển kiểm soát 43H-000.02, màu sơn: trắng, chỗ ngồi: 02, số khung: 8TDALT024992, số máy: QE06010783F5, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096453 do công an thành phố Đ cấp ngày 12/10/2020 đứng tên ông Trần Quốc D và 01 (một) xe ô tô tải thùng kín hiệu THACO, loại TOWNER 800, biển kiểm soát 43H-001.76, màu sơn: trắng, chỗ ngồi: 02, số khung: 8TDALT024993, số máy: QE06010723F5, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096887 do công an thành phố Đ cấp ngày 12/10/2020 đứng tên ông Trần Quốc D.

Theo Hợp đồng thế chấp ô tô số: 053/20/HĐTC-9357 ngày 22/10/2020 được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 23/10/2020; Hợp đồng thế chấp được ký kết trên sự tự nguyện giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và được công chứng, được đăng ký bảo đảm nên có hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 117, 118, 119, 298, 317, 401 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trường hợp ông D thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô tải thùng kín hiệu THACO, loại TOWNER 800, biển kiểm soát 43H-000.02, màu sơn: trắng, chỗ ngồi: 02, số khung: 8TDALT024992, số máy: QE06010783F5, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096453 do công an thành phố Đ cấp ngày 12/10/2020 cho ông Trần Quốc D và 01 (một) xe ô tô tải thùng kín hiệu THACO, loại TOWNER 800, biển kiểm soát 43H-001.76, màu sơn: trắng, chỗ ngồi: 02, số khung: 8TDALT024993, số máy: QE06010723F5, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096887 do công an thành phố Đ cấp ngày 12/10/2020 cho ông Trần Quốc D được phát mãi theo quy định tại Điều 299, Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 303 Bộ luật Dân năm 2015 và Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP giao dịch bảo đảm.

[2.5] Ngân hàng TMCP Q có nghĩa vụ trả lại cho ông D Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096453 do công an thành phố Đ cấp ngày 12/10/2020 tên Trần Quốc D và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096887 do công an thành phố Đ cấp ngày 12/10/2020 tên Trần Quốc D sau khi ông D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Q.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định là 12.199.722 đồng.

[5] Về lệ phí và chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000đồng ông D phải chịu. Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng trước nên ông D phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 303, Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với ông Trần Quốc D về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử:

1. Buộc ông Trần Quốc D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/6/2024 là 243.994.455đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 178.300.000 đồng, lãi trong hạn là 37.837.065đồng, lãi quá hạn là 23.507.914đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 4.349.476đồng.

2. Ông Trần Quốc D còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số: 054/20/HĐCV - 9357 ngày 22/10/2020 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần Quốc D kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

3. Ngân hàng TMCP Q có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Quốc D Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096453 do công an thành phố Đ cấp ngày 12/10/2020 tên Trần Quốc D và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096887 do công an thành phố Đ cấp ngày 12/10/2020 tên Trần Quốc D sau khi ông D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

4. Trường hợp ông **Trần Quốc D** thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô tải thùng kín hiệu THACO, loại TOWNER 800, biển kiểm soát 43H-000.02, màu sơn: trắng, chỗ ngồi: 02, số khung: 8TDALT024992, số máy: QE06010783F5, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096453 do **công an thành phố Đ** cấp ngày 12/10/2020 đứng tên ông **Trần Quốc D** và 01 (một) xe ô tô tải thùng kín hiệu THACO, loại TOWNER 800, biển kiểm soát 43H-001.76, màu sơn: trắng, chỗ ngồi: 02, số khung: 8TDALT024993, số máy: QE06010723F5, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 096887 do **công an thành phố Đ** cấp ngày 12/10/2020 đứng tên ông **Trần Quốc D** được phát mãi theo quy định tại Điều 299, Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm.

5. Về án phí: Ông **Trần Quốc D** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.199.722 đồng (Mười hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng). Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP Q1** tiền tạm ứng án phí là 5.363.241 đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi một đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001935 ngày 25/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

6. Về lệ phí và chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng ông **D** phải chịu. Tuy nhiên, **Ngân hàng TMCP Q** đã nộp tạm ứng trước nên ông **D** phải có nghĩa vụ hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Q1** tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

7. Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q**, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông **Trần Quốc D** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

